

Số: 25 /NQ-HĐND

Long Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương trên địa bàn
phường Long Bình năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG BÌNH
KHÓA VI KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 23/12/2025 của UBND phường Long Bình về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn phường Long Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường Long Bình; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương trên địa bàn phường Long Bình năm 2026 như sau:

	Dvt: triệu đồng
1 Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	705.345
a. Chi đầu tư	157.643
Nguồn tập trung	51.128
Nguồn tiền sử dụng đất	72.000
Nguồn xổ số	34.515

b. Chi thường xuyên	532.518
Chi giáo dục và đào tạo	329.370
Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	20.032
Chi khoa học công nghệ	20.500
Chi văn hóa thông tin và thể dục thể thao	926
Chi bảo vệ môi trường	47.549
Chi các hoạt động kinh tế	15.550
Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	40.965
Chi bảo đảm xã hội	46.559
Chi khác ngân sách	11.067
Dự phòng ngân sách	15.184
2. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	8.420

(Chi tiết các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND phường Long Bình căn cứ các quy định của pháp luật về tài chính tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân phường theo quy định.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND phường Long Bình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị UBMTTQVN phường Long Bình, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia thực hiện giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND phường Long Bình khóa VI, kỳ họp thứ 5 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Thường trực UBND phường;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Văn phòng HĐND&UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND phường;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Hiền

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi ngân sách Tĩnh giao năm 2026	Dự toán chi ngân sách Xã giao năm 2026	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	705,345	705,345	100%
I	Chi đầu tư phát triển	157,643	157,643	100%
1	Chi đầu tư cho các dự án	157,643	157,643	100%
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	532,518	532,518	100%
-	Chi giáo dục và đào tạo	329,370	329,370	100%
-	Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	20,032	20,032	100%
-	Chi khoa học công nghệ	20,500	20,500	100%
-	Chi văn hóa thông tin và thể dục thể thao	926	926	100%
-	Chi bảo vệ môi trường	47,549	47,549	100%
-	Chi các hoạt động kinh tế	15,550	15,550	100%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	40,965	40,965	100%
-	Chi bảo đảm xã hội	46,559	46,559	100%
-	Chi khác ngân sách	11,067	11,067	100%
III	Dự phòng ngân sách	15,184	15,184	100%



1. ҚАЗАҚСТАН РЕСПУБЛИКАСЫНЫҢ БІЛІМ ЖӘНЕ ҒЫЛЫМ МИНИСТРЛІГІ

ҚАЗАҚСТАН РЕСПУБЛИКАСЫНЫҢ БІЛІМ ЖӘНЕ ҒЫЛЫМ МИНИСТРЛІГІ



Biểu mẫu số 37a
Theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

((Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường))

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỀM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)		
A	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	1,312	1,120	705,345	705,345	277,416	255,102		
A	DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	0	0	157,643	157,643		0		
1	Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung			85,643	85,643		0		
-	Nguồn vốn tập trung			51,128	51,128				
-	Nguồn vốn xổ số kiến thiết			34,515	34,515				
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng			72,000	72,000				
B	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN	1,312	1,120	532,518	532,518	277,416	255,102	8,420	
I	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	1,178	1,095	329,370	329,370	255,143	74,227	4,726	
II	Chi quốc phòng - an ninh	0		20,032	20,032	0	20,032	0	
1	Chi quốc phòng			8,473	8,473	0	8,473	0	
-	Văn phòng HĐND&UBND			7,973	7,973		7,973		Kinh phí chi chế độ phụ cấp, hỗ trợ cho lực lượng dân quân thường trực, dân quân tự vệ là 7940 triệu đồng và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 là 34 triệu đồng
-	Kinh phí hoạt động phục vụ công tác tuyển quân - thăm quân và hoạt động khác			500	500		500		

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỂM CHI 10% (Triệu đồng)	
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)		
A	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7	8
2	Chi an ninh			11,558	11,558	0	11,558	0	
-	Văn phòng HĐND&UBND			11,358	11,358		11,358		Kinh phí chi chế độ phụ cấp, hỗ trợ cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh là 11.128 triệu đồng và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 là 230 triệu đồng
-	Kinh phí hoạt động			200	200		200		Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong năm 2026
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			676	676	0	676	68	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			676	676		676	68	
	Chi các hoạt động			676	676		676	68	Kinh phí tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; Tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan; Tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị của phường; Tổ chức hội thi thông tin lưu động... và các nhiệm vụ được giao khác
IV	Sự nghiệp thể dục thể thao			250	250		250	25	
	Phòng Văn hóa - Xã hội			250	250		250	25	Kinh phí tổ chức đại hội TDTT, các hoạt động thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn trong năm
V	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			20,500	20,500		20,500		Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ phát sinh trong năm 2026



STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)		
A	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7	8
V1	Chi sự nghiệp kinh tế			63,099	63,099	334	62,765	1,722	
1	Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp	15	2	1,102	1,102	334	768	75	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	15	2	1,102	1,102	334	768	75	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT; kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tốt
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			47,549	47,549	0	47,549	202	
-	Phòng Kinh tế			45,549	45,549		45,549		Kinh phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn là 45.572 triệu đồng và kinh phí thực hiện các hoạt động khác về môi trường theo phân cấp tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 2/03/10/2025 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Chi hoạt động quản lý, kiểm tra, tuyên truyền chất thải rắn và phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn...
-	Sự nghiệp môi trường chưa phân bổ chi tiết			2,000	2,000		2,000	200	Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2026

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm	TIẾT KIỀM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
A	B	1	2	3	4 = 5+6	Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)	7	8
3	Sự nghiệp Nông nghiệp:			203	203	0	20	
-	Phòng Kinh tế			203	203		20	Kinh phí truyền thông, tuyên truyền lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Kinh phí kiểm tra trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, công tác phòng chống thiên tai... và các nhiệm vụ khác
4	Sự nghiệp giao thông chưa phân bổ chi tiết			3,000	3,000	0	300	
-	Phòng Kinh tế			3,000	3,000	0	300	Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2026
5	Sự nghiệp địa chính:			1,245	1,245	0	125	
-	Phòng Kinh tế			1,245	1,245		125	Tiền thẩm định giá và tư vấn đấu thầu KHSDĐ hàng năm; Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành tình hình quản lý, sử dụng đất đai tại các khu phố, rà soát phương án sử dụng đất công; Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể (đầu giá đất)....
6	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính chưa phân bổ chi tiết			10,000	10,000	0	1,000	
-	Phòng Kinh tế			10,000	10,000		1,000	

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Tỷ đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Tỷ đồng)	Bảo gồm		TIẾT KIỀM CHI 10% (Tỷ đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền lương và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Tỷ đồng)		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4 = 5 + 6</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
VII	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể chính trị	134	25	40,965	40,965	21,938	19,026	1,436	
I	Văn phòng Đảng ủy xã	25	4	7,763	7,763	4,292	3,471	347	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	21		5,801	5,801	4,121	1,680	168	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT; kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết; KP phụ cấp cấp ủy;
-	Kinh phí hoạt động cần bộ không chuyên trách	4	4	171	171	171			Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách (6 tháng năm 2026); Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Đảng ủy và kinh phí đặc thù khởi đảng và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách			1,791	1,791		1,791	179	KP hoạt động của các Ban chỉ đạo: Ban chỉ đạo 3.5, Ban chỉ đạo công tác nội chính, Ban chỉ đạo quy chế dân chủ... và các khoản kinh phí khác.
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	10	0	4,569	4,569	2,084	2,485	249	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	10		2,226	2,226	1,426	800	80	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT; kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm			TIẾT KIỂM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)	5		
A	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7	8	Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT, XHTY cho cán bộ không chuyên trách (6 tháng năm 2026); Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí hoạt động cán bộ không chuyên trách			126	126	126				
-	Chi phụ cấp các trường đoàn thể ấp khu phố			533	533	533				
-	Kinh phí hoạt động của MTTQ và các khoản kinh phí khác			870	870	870	870	87		KP dự ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; Kinh phí người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; Kinh phí quản lý Quỹ vì người nghèo (VPP, băng rôn, khen thưởng...); Kinh phí hoạt động thanh tra nhân dân; Kinh phí hoạt động ban công tác mặt trận khu phố và các đoàn thể khu phố....
-	Kinh phí hoạt động của các đoàn thể chính trị cấp phường			815	815	815	815	82		Kinh phí hoạt động của Đoàn thanh niên, hội chữ thập đỏ, hội khuyến học, hội cựu thanh niên xung phong, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh....
3	Văn phòng HĐND&UBND phường	26	0	13,829	13,829	8,094	5,735	332		
-	Dự toán phần bổ chi thường xuyên	26		5,666	5,666	3,586	2,080	208		Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT, kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí hoạt động cán bộ không chuyên trách			166	166	166				Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách (6 tháng năm 2026); Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân, điều hành của Ủy ban nhân dân			1,434	1,434	665	769	77		Kinh phí điều hành của TT.HĐND, kinh phí các kỳ họp HĐND, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri,... theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh ; Kinh phí phục vụ hoạt động điều hành của Ủy ban nhân dân; kinh phí phụ cấp HĐND

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỀM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)		
A	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7	8
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật			470	470		470	47	KP tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên địa bàn theo chỉ đạo của UBND và kiểm tra văn bản pháp luật. KP theo dõi thi hành pháp luật, kinh phí thực hiện cuộc thi tìm hiểu pháp luật.
-	Hưu 111			126	126		126		
-	Dự toán chi đảm bảo chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác			5,967	5,967	3,677	2,290		Kinh phí chi trả phụ cấp, hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở ấp, người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp; Kinh phí hoạt động của tổ nhân dân ;
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	37	10	6,588	6,588	4,097	2,490	249	
-	Dự toán phần bổ chi thường xuyên	27		5,875	5,875	3,715	2,160	216	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT ;kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí hoạt động cán bộ không chuyên trách	10	10	382	382	382			Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách (6 tháng năm 2026); Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
	Kinh phí đặc thù ngành tài chính			330	330		330	33	Thực hiện báo cáo giá thị trường định kỳ hàng tháng, hàng quý năm 2026; Kinh phí phục vụ hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự năm 2026; Kinh phí phục vụ hội đồng thẩm định giá đất cụ thể

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỂM CHI 10% (Triệu đồng)	
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)		
A	B	1	2	3	4 = 5+6	5	6	7	8
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	27	8	6,067	6,067	2,340	3,727	173	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	15		3,241	3,241	2,041	1,200	120	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT; kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí hoạt động cán bộ không chuyên trách	12	8	300	300	300			Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách (6 tháng năm 2026); Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Kinh phí khen thưởng			2,000	2,000		2,000		Dự toán chi được xử lý khi có kế hoạch và khi các tổ chức, cá nhân được khen thưởng với thành tích theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023.
-	Dự toán các khoản kinh phí khác			527	527		527	53	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính; Kinh phí tranh chấp lao động tập thể; Kinh phí thù lao cho hoà giải viên; Kinh phí thăm, tặng quà các cơ sở tôn giáo - tín ngưỡng nhân các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn trong năm...
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	9	3	2,149	2,149	1,031	1,118	87	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	6		1,390	1,390	910	480	48	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh; Đã bao gồm Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT; kinh phí chế độ khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bảo gồm		TIẾT KIỀM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)		
4	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7	8
-	Kinh phí hoạt động cán bộ không chuyên trách	3	3	120	120	120			Kinh phí chi trả tiền lương, BHXH, BHYT cho cán bộ không chuyên trách (6 tháng năm 2026); Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tết.
-	Dự toán chi đảm bảo chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác			638	638		638	39	Kinh phí hỗ trợ cán bộ công chức viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã theo Quyết định 1327/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh và Kinh phí phục vụ hoạt động tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã
VIII	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội			46,559	46,559	0	46,559	25	
1	Phòng Văn hóa - Xã hội			45,719	45,719	0	45,719	25	
-	Dự toán chi đảm bảo chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác			45,719	45,719		45,719	25	Kinh phí trợ cấp thương xuyên, hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội; Kinh phí trợ cấp lưu trí xã hội; kinh phí thực hiện chính sách cho người có uy tín và kinh phí hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho các đối tượng và các kinh phí hoạt động khác 252 triệu đồng
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường			738	738	0	738		
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác			738	738		738		Kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ GIAO NĂM 2026 (Triệu đồng)	Bao gồm	TIẾT KIỀM CHI 10% (Triệu đồng)	GHI CHÚ
A	B	1	2	3	4= 5+6	Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (Triệu đồng)	7	8
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị			101	101	0	101	
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác			101	101		101	Kinh phí hỗ trợ tiền hộ nghèo; Kinh phí hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho hộ nghèo, hộ cận nghèo
IX	Các khoản chi khác ngân sách chưa phân bổ			11,067	11,067		11,067	419 chi khác ngân sách chưa phân bổ chi tiết
C	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH			15,184	15,184			

Ghi chú:

- Dự toán giao đủ quỹ lương năm 2026 tính theo mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/hệ số của số cán bộ, công chức, viên chức có mặt tại thời điểm giao dự toán.
- Khoản chi hoạt động thường xuyên theo định mức của HĐND tỉnh tại theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh: Văn phòng Đảng ủy , Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các cơ quan chuyên môn và Trung tâm phục vụ hành chính công là 80 triệu đồng/biên chế/năm; Trung tâm dịch vụ tổng hợp là 50 triệu đồng/biên chế/năm; các trường Mầm non là 52 triệu đồng/biên chế/năm; các trường Tiểu học và Trung học cơ sở là 30 triệu đồng/biên chế/năm
- Tổng các khoản đóng góp là 30%, trong đó: Người lao động 9,5%; ngân sách chi 20,5% (BHXH 17,5%, BHYT 3%).
- Quỹ tiền lương trong năm 2026 được tạo từ các nguồn như sau: 70% tăng thu ngân sách xã thực hiện năm 2025 so với dự toán năm 2025 (nếu có); 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2026; một phần số thu của các đơn vị sự nghiệp có thu và 40% nguồn thu học phí (nếu có); nguồn cải cách tiền lương còn lại chưa xử dụng từ năm 2025 trở về trước chuyển sang năm 2026 (nếu có).